

VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG VIỆC TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN TƯ PHÁP

(GIAI ĐOẠN 1945-1954)

(Tiếp theo và hết)

VŨ THỊ PHỤNG

II. CHÍNH PHỦ THIẾT LẬP CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN TƯ PHÁP

Cùng với việc thiết lập, tổ chức bộ máy và giải quyết vấn đề cán bộ cho ngành tư pháp, trong giai đoạn 1945-1954, Chính phủ còn ban hành các văn bản pháp luật để tạo cơ sở pháp lý và tập trung chỉ đạo hoạt động của các cơ quan tư pháp trong cả nước.

1. Chính phủ thiết lập cơ sở pháp lý cho hoạt động của các cơ quan tư pháp

Sau khi giành được chính quyền, Nhà nước phải thực hiện ngay các biện pháp chuyên chính. Một trong những vấn đề quan trọng và cấp bách lúc đó là Nhà nước (mà cụ thể là Chính phủ) phải nhanh chóng ban hành các văn bản pháp luật để cho các cơ quan tư pháp có cơ sở pháp lý khi tiến hành hoạt động. Nhận thức được vấn đề này, trong năm đầu tiên, khi chưa tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, việc ban hành các văn bản pháp luật đều do Chính phủ đảm nhiệm. Do vậy, để nhanh chóng ổn định tình hình, ngày 10-10-1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời đã ban hành Sắc lệnh về việc tạm thời sử dụng lại một số luật lệ cũ (gồm một số quy định thuộc các lĩnh vực kinh tế, văn hoá xã hội, một số luật lệ về dân sự, hôn nhân gia đình...). Tuy nhiên những luật lệ này phải được xem xét và chọn lọc với điều kiện "*không trái với*

nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hoà" (12). Sắc lệnh và quyết định trên đây là một biện pháp hết sức kịp thời của Chính phủ nhằm hạn chế tới mức thấp nhất những xáo trộn trong đời sống và quan hệ thường nhật của nhân dân, đồng thời duy trì những trật tự, những quy định chung không phương hại đến nền độc lập và dân chủ của đất nước. Nhờ vậy, trong thời gian đầu, các cơ quan tư pháp có thể giải quyết ngay những tranh chấp, kiện tụng hoặc những yêu cầu dân sự của nhân dân.

Song song với biện pháp cấp bách trên đây, trong thời gian tiếp theo, Chính phủ đã nhanh chóng ban hành hàng loạt các quy định mới về nhiều lĩnh vực, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động xét xử của các cơ quan tư pháp.

- Trong lĩnh vực an ninh trật tự, Chính phủ đã ban hành một số quy định cơ bản sau đây:

Quy định hình phạt đối với tội ăn trộm, tự ý phá huỷ cáp giây điện thoại và điện tín (Sắc lệnh số 6-SL ngày 14-1-1946);

Quy định về việc truy tố các hành vi phá huỷ công sản (Sắc lệnh số 26-SL ngày 25-2-1946); các tội bắt cóc, tống tiền, ám sát (Sắc lệnh số 27-SL ngày 28-2-1946);

Án định cách trừng phạt tội đánh bạc (Sắc lệnh số 168-SL ngày 14-4-1948)...

- Để đảm bảo quyền tự do cá nhân của công dân, Chính phủ đã ban hành các Sắc lệnh số 40/SL ngày 23-9-1946 và 03 Sắc lệnh sửa đổi, bổ sung vào năm 1947.

- Để giúp các Tòa án Quân sự trong quá trình xét xử, ngày 17-1-1946, Hội đồng Chính phủ đã họp và quyết định các vấn đề liên quan đến việc truy tố các quan lại làm việc dưới thời Pháp thuộc đã từng tham gia đàn áp phong trào cách mạng. Đối với những người này, Hội đồng Chính phủ quyết định cần xem xét cụ thể từng mức độ tham gia và nếu họ cam đoan cải thiện thì có thể áp dụng một số biện pháp khoan hồng.

- Chính phủ cũng ban hành 02 Sắc lệnh để ấn định thủ tục truy tố đối với những phạm nhân là các viên chức cao cấp như: Bộ trưởng, Thứ trưởng, Chủ tịch UBHC cấp kỳ và cấp tỉnh, các đại biểu Quốc hội và một số nhân viên cao cấp khác trong các cơ quan hành chính và tư pháp (Sắc lệnh số 42/SL ngày 3-4-1946 và Sắc lệnh số 9/SL ngày 30-1-1947). Các Sắc lệnh này đã quy định quyền bất khả xâm phạm đối với các viên chức cao cấp, đồng thời cũng quy định nếu có đơn tố giác thì các cơ quan tư pháp phải chuyển về cho Tòa thượng thẩm.

- Trong quá trình phát động quần chúng thi hành chính sách ruộng đất, Chính phủ cũng đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn các Tòa án Đặc biệt trong quá trình xử án.

- Ngoài ra, để hỗ trợ cho các cơ quan tư pháp, Chính phủ còn quy định việc thiết quân luật khi có tình thế nghiêm trọng dẫn đến nổi loạn hoặc khi có giặc ngoại xâm; ấn định thể lệ trục xuất ngoại kiều khi cần thiết; ủy quyền ân xá, ân giảm, phóng thích các tội phạm cho một số UBKCHC cấp khu.

Có thể nói, trong điều kiện hết sức khó khăn, đặc biệt là khi cơ quan lập pháp

(Quốc hội) chưa được thành lập hoặc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Quốc hội không thể họp thường xuyên, Chính phủ đã chủ động ban hành các văn bản pháp luật cần thiết để ổn định tình hình, tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho hoạt động của các cơ quan tư pháp.

2. Chính phủ chỉ đạo hoạt động của các cơ quan tư pháp

Cùng với việc thành lập các cơ quan tư pháp, tổ chức tuyển dụng cán bộ, ban hành các văn bản pháp lý... Chính phủ đã căn cứ vào tình hình thực tế để chỉ đạo hoạt động của các cơ quan tư pháp cho phù hợp với yêu cầu cụ thể của từng giai đoạn.

a. Sự chỉ đạo của Chính phủ từ tháng 8-1945 đến tháng 12-1946

Trong giai đoạn này công tác tư pháp được Chính phủ xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và cấp bách. Vì thế, vấn đề tư pháp là một nội dung được đưa ra bàn bạc và thảo luận ở hầu hết các phiên họp thường kỳ cũng như đột xuất của Hội đồng Chính phủ. Qua nghiên cứu Biên bản các phiên họp và qua báo cáo tổng kết của Bộ Tư pháp, có thể thấy Chính phủ đã quan tâm và chỉ đạo công tác tư pháp trên những vấn đề chủ yếu sau đây (13):

- *Trước hết*, Chính phủ đề ra và áp dụng các biện pháp cấp bách để nhanh chóng ổn định tình hình như: tạm giao việc tư pháp cho các cơ quan hành chính; tuyên bố bãi bỏ các cơ quan và ngạch tư pháp cũ; quyết định tạm thời giữ lại một số quy định cũ về lĩnh vực dân sự và thương sự; tuyển lựa một số viên chức tư pháp đã từng làm việc trong chế độ cũ nhưng có chuyên môn và đức hạnh để giúp Chính phủ và các cơ quan chính quyền về các công việc tư pháp trước mắt...

- *Thứ hai*, để đối phó với những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch đang tìm mọi cách lật đổ chính quyền cách mạng còn

non trẻ, Chính phủ đã quyết định thành lập ngay các Tòa án Quân sự. Đây là một loại tòa án đặc biệt nhằm giúp Nhà nước trừng trị không khoan nhượng những tên Việt gian thân Pháp, đã từng gây nhiều tội ác với nhân dân, trừng trị những kẻ âm mưu hoặc cấu kết với các thế lực bên ngoài chống phá cách mạng Việt Nam.

- *Thứ ba*, mặc dù tình thế hết sức khó khăn, phức tạp, nhưng Chính phủ vẫn chủ trương và ban ngay các biện pháp cần thiết để đặt nền móng cho việc xây dựng một nền pháp lý dân chủ và tiến bộ. Trong một số phiên họp, Chính phủ đã bàn về những nguyên tắc cơ bản để xây dựng nền tư pháp dân chủ như: nguyên tắc tư pháp phải độc lập với hành chính; nguyên tắc nhân dân tham gia vào việc xử án...

- *Thứ tư*, sau khi tạm thời ổn định tình hình, Chính phủ đã quyết định thành lập trên phạm vi toàn quốc một hệ thống các tòa án nhân dân (hay còn gọi là các tòa án thường) để xét xử các việc hình, việc hộ; giải quyết những tranh chấp kiện tụng thông thường trong dân chúng. Hệ thống tòa án nhân dân được coi là công cụ cơ bản để thực thi các chủ trương, biện pháp của Chính phủ về tư pháp.

- *Thứ năm*, Chính phủ cũng quan tâm và chỉ đạo các biện pháp cụ thể cho các cơ quan tư pháp nhanh chóng tuyển chọn và đào tạo gấp đội ngũ cán bộ tư pháp. Để tạo cơ sở cho vấn đề này, Chính phủ đã ấn định các ngạch thẩm phán và nhân viên làm việc trong các cơ quan tư pháp, quy định tiêu chuẩn và định hướng cho Bộ tư pháp trong quá trình tuyển chọn.

- *Thứ sáu*, để có cơ sở pháp lý cho hoạt động của các cơ quan tư pháp, Chính phủ đã chỉ đạo việc nghiên cứu và ban hành các văn bản pháp lý để điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản; để quy định một số tội danh và các hình phạt tương ứng; đồng thời

xác định những thủ tục tố tụng cần thiết mà các cơ quan tư pháp cần phải áp dụng trong quá trình điều tra, xét xử.

Có thể nói, với những biện pháp cơ bản trên đây, Chính phủ đã đẩy lùi khó khăn, kịp thời đặt những viên gạch đầu tiên cho nền tư pháp mới, tạo những cơ sở cần thiết cho các hoạt động tư pháp trong thời kỳ kháng chiến.

b. Chính phủ chỉ đạo các hoạt động tư pháp trong thời kỳ kháng chiến

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, tình hình cách mạng đã chuyển sang một giai đoạn mới. Nhận thấy tổ chức tư pháp trong thời bình không còn phù hợp, Chính phủ đã chỉ đạo một số biện pháp để thay đổi một số vấn đề về tổ chức cũng như phương thức hoạt động của các cơ quan tư pháp theo hướng sau (14):

- Thứ nhất, vì tình thế kháng chiến nên phải đơn giản hoá bộ máy tư pháp.

- Thứ hai, vì liên lạc trong kháng chiến rất khó khăn nên Trung ương cần phân quyền tư pháp nhiều hơn cho địa phương.

- Thứ ba, vì cần thiết phải có sự thống nhất trong việc chỉ đạo chung cho nên trong bộ máy chính quyền cần hạn chế sự phân quyền rành rọt giữa hành chính và tư pháp. Trên cơ sở những nguyên tắc đó, Chính phủ đã giao cho Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ nghiên cứu các phương án tổ chức tư pháp để phù hợp với tình hình mới. Theo chỉ đạo của Chính phủ, tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong thời kỳ kháng chiến có những thay đổi cơ bản sau:

* Ở mỗi Liên khu lập một chế độ *Giám đốc tư pháp* đặt dưới sự chỉ đạo của UBKCHC Liên khu. Giám đốc tư pháp có nhiệm vụ:

- Đại diện cho Bộ Tư pháp; Duy trì và kiểm sát các tòa án.

- Làm cố vấn pháp lý cho UBKCHC Liên khu; cùng Ủy ban quyết định một số vấn đề như ân xá, ân giảm.

- Khi chiến sự lan rộng, Giám đốc tư pháp được tăng quyền hạn để có thể đủ quyền quyết định một số vấn đề mau lẹ, cấp bách.

- Thay mặt viên chức lý để sử dụng quyền công tố trước các tòa án trong khu.

Thành lập các Hội đồng phúc án ở cấp khu:

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ đã ban hành Thông lệnh ngày 29-12-1946, trong đó có quy định: Trong tình thế đặc biệt, Bộ Tư pháp sẽ ra Nghị định tạm đình chỉ công việc xử án của các Tòa Thượng thẩm ở cấp kỳ. Thời gian sau đó, vì giao thông khó khăn nên việc gửi hồ sơ và giải can phạm gặp nhiều trở ngại nên theo chỉ đạo của Chính phủ, ngày 1-1-1947, Bộ Tư pháp đã ra Nghị định tạm đình chỉ công việc xử án của các Tòa Thượng thẩm ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ.

Tuy nhiên, qua thực tế theo dõi tình hình, Bộ Tư pháp nhận thấy nếu đình chỉ hoạt động của các Tòa Thượng thẩm thì việc xử án của các Tòa án Đệ nhị cấp không có cơ quan nào kiểm soát, như vậy sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, theo sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tư pháp đã ban hành Nghị định ngày 12-4-1947 và ngày 3-5-1947 về việc tổ chức các Hội đồng Phúc án cấp khu để xem xét lại các bản án do Tòa án Đệ nhị cấp đã tuyên.

Kiến toàn tổ chức và hoạt động của các Tòa án Bình

Như ở phần trên đã trình bày, ngay từ ngày 23-8-1946 các Tòa án Bình lâm thời đã được thành lập. Bước sang giai đoạn kháng chiến, Chính phủ chủ trương nâng cao vai trò của các Tòa án Bình để duy trì kỷ luật và tăng cường sức mạnh của quân

đội. Để đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến, tổ chức của các Tòa án Bình có một số thay đổi sau đây:

- Theo Sắc lệnh số 19-SL ngày 16-2-1947, ở mỗi khu có một Tòa án binh để xét xử các quân nhân phạm pháp.

- Các nhân viên thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng chỉ huy và các quân nhân từ cấp trung đoàn trưởng trở lên nếu phạm pháp sẽ bị xét xử ở Tòa án binh khu trung ương (đặt trong Bộ Quốc phòng)

- Tổ chức một Tòa án binh mặt trận để xét xử nhanh chóng các vụ vi phạm quả tang như: phản quốc, gián điệp, cướp bóc, những nhiễu dân chúng xảy ra ở những nơi tác chiến.

* *Đối với các tòa án thường*, theo chỉ đạo của Chính phủ, ở những nơi khó khăn về giao thông, liên lạc, Bộ Tư pháp quyết định cho phép các Tòa án Đệ nhị cấp có thể chia ra làm nhiều phân hạt để xét xử, không cần tập trung tất cả các vụ án về cấp tỉnh. Mỗi phân hạt có thể do một thẩm phán phụ trách. Quyết định này đã giảm bớt khó khăn cho các Tòa án Đệ nhị cấp trong việc gọi đương sự và nhân chứng, dẫn giải can phạm, giúp dân chúng đỡ tốn kém trong việc đi lại. Riêng hoạt động của các Tòa án Sơ cấp, Chính phủ chỉ đạo phải được duy trì trong mọi tình huống (trừ những vùng bị địch kiểm soát). Do vậy trong Sắc lệnh 185-SL ngày 26-5-1948, Bộ Tư pháp đã có quyết định tăng cường thẩm quyền cho các tòa án Sơ cấp: được quyền xét xử một số vụ việc mà theo quy định cũ thuộc phạm vi của Tòa án Đệ nhị cấp; trong trường hợp do chiến tranh, nếu mất liên lạc với Tòa án Đệ nhị cấp thì Tòa án Sơ cấp và Chủ tịch UBKCHC huyện sẽ ra quyết định thi hành, sau đó phải báo cáo lên tỉnh để UBKCHC tỉnh và biện lý của Tòa án Đệ nhị cấp chuẩn y. Chính phủ cũng chỉ đạo các Tòa án phải tăng cường việc xét xử lưu động ở

các huyện và các xã để tuyên truyền giáo dục pháp luật và tăng thêm uy tín cho chính quyền cách mạng, củng cố lòng tin trong dân chúng.

* *Đôi với Bộ Tư pháp*: do phải di chuyển trụ sở làm việc lên vùng căn cứ địa, nên Chính phủ chỉ đạo Bộ Tư pháp tinh giản hoá bộ máy. Vì thế có lúc Bộ Tư pháp chỉ còn có 6 nhân viên. Đến năm 1948, khi tình hình kháng chiến có chuyển biến thuận lợi hơn, Bộ Tư pháp mới tuyển thêm nhân viên và tái lập các Nha trực thuộc như Nha Hình vụ, Nha Hộ vụ... Trong kháng chiến, Chính phủ cũng thường xuyên chỉ đạo Bộ Tư pháp quan tâm đến việc xây dựng những bộ luật mới thống nhất cho toàn quốc và hợp với tinh thần dân chủ để thay thế các luật lệ cũ đang tạm thời được áp dụng ở các tòa án.

Thực hiện chủ trương này, ở Bắc Bộ, Bộ Tư pháp đã giao cho Toà Thượng thẩm tổ chức một Ban Tu luật gồm 4 tiểu ban: dân luật, hình luật, dân sự - thương sự tố tụng, hình luật tố tụng. Tuy nhiên do điều kiện khó khăn (thiếu người, thiếu tài liệu, liên lạc chậm...) nên công việc tu luật tiến hành chậm. Ở Trung Kỳ, Bộ Tư pháp cũng đã chuẩn y đề nghị của Toà Thượng thẩm về việc thành lập Hội đồng tu luật. Trong tháng 7 năm 1948, Hội đồng tu luật Trung Kỳ đã họp đại hội đồng gồm đại biểu của các đoàn thể, các giới để thảo luận các vấn đề về pháp luật.

3. Những thành tựu cơ bản trong lĩnh vực tư pháp giai đoạn 1945-1954

Với sự chỉ đạo đúng đắn và kịp thời của Chính phủ, sự tích cực của Bộ Tư pháp và các tòa án, hoạt động tư pháp trong giai đoạn 1945-1954 đã đạt được những thành tựu cơ bản sau đây (15):

a. Trừng trị bọn phản cách mạng, bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân, bảo vệ kháng chiến

Bằng những hoạt động cụ thể và thiết thực, ngay từ những ngày đầu sau khi cách mạng thành công, cũng như trong thời kỳ kháng chiến, các Tòa án Quân sự và Tòa án nhân dân đã tiến hành điều tra, xét xử, kịp thời trừng trị những kẻ phản động đầu sỏ trong nước đã và đang âm mưu phá hoại chính quyền mới thành lập, phá hoại những thành quả của cách mạng, phá hoại công cuộc kháng chiến của toàn dân. Dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, các Tòa án quân sự đã hoạt động hết sức tích cực trong thời gian từ sau ngày cách mạng thành công cho đến khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Trong *Báo cáo về thành tích công tác tư pháp trong 9 năm kháng chiến chống Pháp* của Bộ Tư pháp gửi lên Chính phủ, hoạt động của các Tòa án quân sự đã được đánh giá là: *"trấn áp kiên quyết và kịp thời bọn phá hoại chính quyền của nhân dân và nền độc lập của Tổ quốc... trừng trị bọn phản cách mạng phá hoại kháng chiến, góp phần vào việc bảo toàn lực lượng, ổn định tình hình chính trị trong những ngày đầu kháng chiến, đặt cơ sở cho cuộc kháng chiến lâu dài của toàn dân"* (16).

Trong thời gian kháng chiến, mặc dù điều kiện hết sức khó khăn, nhưng các tòa án vẫn không ngừng hoạt động. Theo Báo cáo của Bộ Tư pháp gửi Chính phủ, chỉ trong 10 tháng đầu năm 1953, các tòa án nhân dân ở liên khu Việt Bắc đã xét xử 488 vụ phản cách mạng, trong đó có 224 vụ gián điệp; các tòa án ở Liên khu III đã xử 564 vụ. Một số vụ án điển hình được xét xử ở các tỉnh Bình Định, Thừa Thiên, Thanh Hóa, Nghệ An... đã góp phần đập tan một số tổ chức gián điệp nguy hiểm của địch.

Các tòa án quân sự, tòa án nhân dân không chỉ hoạt động ở vùng tự do mà còn hoạt động ở cả những vùng bị địch tạm chiếm. Tại những nơi này, các tòa án đã xét xử những tên gián điệp, phản động đại gian

ác ở ngay trong lòng địch, góp phần vào việc chống càn, bảo vệ dân, xây dựng các khu căn cứ du kích. Cũng theo báo cáo của Bộ Tư pháp, chỉ trong 10 tháng đầu năm 1953, các Tòa án nhân dân của 4 tỉnh thuộc Khu Tả ngạn đã xử 428 vụ phản cách mạng trong đó có 110 vụ hoạt động gián điệp.

Ở Tây Bắc, từ sau chiến dịch Tây Bắc đến tháng 10 năm 1953, các tòa án đã xét xử 406 tên trùm thổ phi, gián điệp, biệt kích, góp sức vào công cuộc vận động nhân dân Tây Bắc tiểu phi, trừ gian, ổn định tình hình chính trị, xây dựng cơ sở chính quyền và mật trận ở vùng miền núi mới giải phóng.

Trong quá trình xét xử, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, các tòa án đã áp dụng phương châm nghiêm trị kết hợp với khoan hồng. Các tòa án chỉ xử nặng những tên chủ mưu, ngoan cố, xử nhẹ bọn tòng phạm và khoan hồng với những người biết hối cải. Những người bị lừa gạt hoặc bị cưỡng ép mà phạm tội thì sau khi giáo dục có thể được tha bổng. Chính sách trừng trị đúng đắn của Chính phủ thể hiện cụ thể trong hoạt động truy tố, xét xử của tòa án đã có tác dụng phân hoá hàng ngũ địch, cô lập bọn đầu sỏ, tranh thủ và giác ngộ quần chúng, làm cho lực lượng phản động mau chóng tan rã.

Chính phủ đánh giá đây là những thắng lợi rất to lớn trong công tác tư pháp.

b. Trừng trị bọn địa chủ cường hào gian ác, góp phần đảm bảo thắng lợi cho phong trào giảm tô và cải cách ruộng đất

Như đã trình bày ở phần trên, cùng với việc phát động quần chúng thi hành chính sách ruộng đất, Chính phủ đã quyết định thành lập các Tòa án Đặc biệt. Với sự phối hợp của các Tòa án nhân dân ở các địa phương, các Tòa án Đặc biệt đã xét xử nhanh chóng và kịp thời những địa chủ

cường hào gian ác và những kẻ ngoan cố chống lại chính sách ruộng đất. Trong quá trình xét xử, vai trò của giai cấp nông dân đã được đề cao thể hiện qua số lượng Hội thẩm nhân dân chiếm đa số trong thành phần của các Tòa án Đặc biệt. Khi xét xử, các Tòa án Đặc biệt đã kết hợp giữa việc công tố buộc tội, thẩm phán truy hỏi với việc tố cáo của các tầng lớp nhân dân. Theo báo cáo của Bộ Tư pháp, thông thường các phiên tòa xét xử bọn địa chủ cường hào gian ác đều có rất đông nhân dân đến dự và tham gia tố cáo, vạch trần những tội ác dã man của chúng đối với những người nông dân nghèo khổ. Phương châm xét xử của các Tòa án nhân dân và Tòa án đặc biệt là thẳng tay trừng trị những kẻ đã từng bóc lột, chiếm đoạt, đánh giết nông dân một cách tàn bạo, ngoan cố chống lại chủ trương cải cách ruộng đất, còn đại đa số những kẻ khác thì chỉ cảnh cáo trước phiên tòa rồi cho hưởng khoan hồng, không xử phạt. Có thể nói hoạt động của các Tòa án đặc biệt đã góp phần nâng cao tinh thần đấu tranh của nông dân, củng cố niềm tin của các tầng lớp nhân dân đối với chủ trương của Chính phủ.

c. Giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ tài sản quốc gia, tính mạng và tài sản của nhân dân

Sau ngày cách mạng Tháng Tám thành công, lợi dụng những biến động về tình hình chính trị, nhiều tệ nạn xã hội có dịp trỗi dậy làm mất ổn định an ninh trật tự. Trong thời kỳ kháng chiến, kẻ địch tung bọn lưu manh côn đồ ra vùng tự do để phá rối trật tự, làm giảm uy tín của chính quyền, làm giảm lòng tin của nhân dân. Để giải quyết vấn đề này, các Tòa án nhân dân đã góp phần tích cực vào việc bài trừ trộm cắp, tham ô, buôn lậu, cờ bạc, mại dâm. Trong năm 1953, các Tòa án nhân dân ở Liên khu Việt Bắc đã xử 748 vụ lưu manh, trộm cướp. Trong một đợt công tác chống

lưu manh tổ chức vào tháng 8-1953, các Tòa án nhân dân ở Liên khu III, phối hợp với công an đã bắt 316 tên lưu manh nguy hiểm. Năm 1952, tỷ lệ xử án lưu manh, trộm cướp chiếm 40% số án hình sự thường. Phương châm của các tòa án đối với loại tội phạm này là kết hợp giữa trừng phạt với giáo dục. Đối với những tên côn đồ, hung hãn, lưu manh chuyên nghiệp gây hậu quả nghiêm trọng thì phải trừng trị để làm gương cho kẻ khác và để cao luật pháp của Nhà nước; số còn lại các tòa án phối hợp với công an phân loại giáo dục một thời gian rồi cho trở về tham gia lao động sản xuất. Đối với những người gian tham vặt thì chỉ tổ chức kiểm thảo trước nhân dân, góp ý kiến để họ hối cải và sửa chữa.

d. Giải quyết những xích mích trong nội bộ nhân dân, tăng cường đoàn kết, góp phần đẩy mạnh sản xuất và kháng chiến

Bằng các hoạt động xét xử, các Tòa án nhân dân đã tiến hành phân xử hợp lý những kiện tụng về quyền lợi trong nội bộ nhân dân như việc vay mượn công nợ, cầm bán, thuê mướn... Đặc biệt các tòa án đã tập trung xét xử những vụ ly dị theo hướng đấu tranh chống tàn tích phong kiến giúp chị em phụ nữ thoát khỏi sự ràng buộc khắt khe của xã hội cũ để xây dựng những gia đình mới trên tinh thần bình đẳng tương trợ và thương yêu lẫn nhau... Tuy nhiên, đối với một số trường hợp xin ly dị, nếu xét thấy không có lý do chính đáng thì phương châm của các tòa án là cố gắng hoà giải để các gia đình đoàn tụ. Đóng góp của các cơ quan tư pháp trong lĩnh vực này là góp phần tăng cường đoàn kết trong nội bộ nhân dân, tập trung lực lượng vào công việc sản xuất và kháng chiến.

e. Xây dựng nền móng cho tư tưởng pháp lý mới và nền tư pháp dân chủ

Mặc dù phải tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách trước mắt, nhưng dưới sự

chỉ đạo của Chính phủ, các cơ quan và cán bộ tư pháp vẫn hăng hái tham gia việc đấu tranh với những quan niệm cũ về tư tưởng pháp lý và vấn đề xây dựng nền tư pháp mới. Cuộc đấu tranh này đã diễn ra liên tục trên báo chí, trong các hội nghị, hội thảo, ngay cả trong quá trình tiến hành điều tra, xét xử và nghị án. Mặt khác, theo chủ trương của Chính phủ, các cán bộ tư pháp được tổ chức học tập, chỉnh huấn theo tinh thần đổi mới. Nhờ vậy, một trong những thành tựu quan trọng của thời kỳ này là chúng ta đã xây dựng được nền móng đầu tiên cho một tư tưởng pháp lý và một nền tư pháp tiến bộ, dân chủ, thể hiện qua sự có mặt của các hội thẩm nhân dân trong thành phần cơ bản của các tòa án, qua việc nhân dân được tham gia tích cực trong các hoạt động điều tra, xét xử và thi hành án, thể hiện qua đường lối phương châm hoạt động của các cơ quan tư pháp luôn vì lợi ích của nhân dân...

*

Nhìn lại những hoạt động cơ bản của Chính phủ (giai đoạn 1945-1954), chúng ta có thể thấy rõ vai trò và những đóng góp to lớn của Chính phủ trong lĩnh vực tư pháp - một lĩnh vực có tầm quan trọng đặc biệt trong những ngày đầu tiên sau khi giành được chính quyền cũng như trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Bằng sự phân tích tình hình và quyết định sáng suốt, chỉ trong một thời gian ngắn, Chính phủ đã nhanh chóng đặt ra và giải quyết các vấn đề cơ bản như: thiết lập các cơ quan tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ, ban hành các quy chế pháp lý cần thiết và chỉ đạo từng bước hoạt động của các cơ quan tư pháp cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Tất cả những hoạt động đó đều được tiến hành trong điều kiện vô cùng khó khăn, phức tạp, phải thích ứng với hoàn cảnh kháng chiến gian khổ và khốc liệt - điều đó

càng chứng tỏ những nỗ lực phi thường của Chính phủ.

Trong những điều kiện và hoàn cảnh khó khăn như vậy, Chính phủ đã có những sáng tạo trong việc tổ chức và chỉ đạo hoạt động của các cơ quan tư pháp. Mặc dù thiếu cán bộ chuyên môn, chưa có tiền lệ từ các nước để tham khảo, lại không thể kế thừa hệ thống tư pháp cũ... nhưng bằng trí tuệ tập thể (trong đó có vai trò quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh), Chính phủ Việt Nam đã căn cứ vào tình hình cụ thể của đất nước để thiết lập ra nhiều hình thức tòa án khác nhau. Bên cạnh các tòa án thường (còn gọi là các tòa án nhân dân), Chính phủ còn thiết lập các Tòa án quân sự để trấn áp bọn phản cách mạng; đặt Tòa án Bình để xét xử những vi phạm pháp luật của các quân nhân và cán bộ trong quân đội; lập Tòa án đặc biệt để xét xử bọn địa chủ cường hào gian ác trong quá trình thi hành chính sách ruộng đất. Mỗi tòa án đảm trách một nhiệm vụ riêng nhưng lại có sự phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau tạo nên một sức mạnh chung. Các biện pháp chỉ đạo của Chính phủ với hoạt động của các cơ quan tư pháp cũng rất linh hoạt và mềm dẻo.

Nghiên cứu những vai trò của Chính phủ trong việc tổ chức và điều hành các hoạt động trong lĩnh vực tư pháp (giai đoạn 1945-1954), chúng ta cũng thấy được những khó khăn, phức tạp mà Chính phủ đã phải vượt qua. Qua Biên bản ghi chép các phiên họp của Chính phủ bàn về vấn đề tư pháp cho

thấy nhiều vấn đề Chính phủ nhận thấy là hợp lý và cần thiết nhưng do điều kiện khó khăn vẫn chưa thể giải quyết được ngay như: nguyên tắc tư pháp phải độc lập với hành chính, cán bộ tư pháp phải được đào tạo cơ bản và có trình độ cao vì tư pháp là một lĩnh vực chuyên môn có tính đặc thù riêng. Trong suốt giai đoạn này, do điều kiện khó khăn, Chính phủ đã không thể mở được trường đào tạo cán bộ tư pháp như dự kiến. Vì vậy, đây cũng là một hạn chế trong hoạt động tư pháp không chỉ trong giai đoạn này mà hệ quả còn ảnh hưởng đến cả các giai đoạn về sau. Mặt khác, chủ trương đưa các cán bộ xuất thân từ công nông, các hội thẩm nhân dân thuộc thành phần bản, cố nông vào thành phần cơ bản của các tòa án đã góp phần thực hiện tốt chủ trương của Chính phủ về dân chủ hoá hoạt động tư pháp, nhưng do hạn chế về chuyên môn tư pháp nên trong quá trình xét xử, các thẩm phán và hội thẩm cũng đã gặp phải không ít khó khăn, hoặc đã bộc lộ những hạn chế trong khi giải quyết một số vụ việc có tính phức tạp. Điều này đã ảnh hưởng phần nào tới hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Mặc dầu vậy, những thành tựu to lớn mà hoạt động của ngành tư pháp mang lại đã chứng minh những cố gắng phi thường của Chính phủ trong lĩnh vực này. Những gì Chính phủ đã làm được và chưa làm được trong giai đoạn này về lĩnh vực tư pháp đều là những bài học kinh nghiệm quý báu cho hôm nay và mai sau.

CHÚ THÍCH

(12). Công báo số 4 năm 1945, tr. 43.

(13), (14). Trong phần này chúng tôi tham khảo những tư liệu trong Công báo về hoạt động của Bộ Tư pháp từ ngày thành lập chính quyền nhân dân. Tài liệu đã dẫn.

(15). Tư liệu và số liệu trong phần này được trích

từ Báo cáo của Bộ Tư pháp về thành tích công tác Tư pháp trong 9 năm kháng chiến. Tlđd, tr. 8-15.

(16). Bộ Tư pháp: Báo cáo thành tích công tác tư pháp trong 9 năm kháng chiến. Hồ sơ Lưu trữ số 113- Phòng Lưu trữ Phủ Thủ tướng. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, HN, tr. 8.

càng chứng tỏ những nỗ lực phi thường của Chính phủ.

Trong những điều kiện và hoàn cảnh khó khăn như vậy, Chính phủ đã có những sáng tạo trong việc tổ chức và chỉ đạo hoạt động của các cơ quan tư pháp. Mặc dù thiếu cán bộ chuyên môn, chưa có tiền lệ từ các nước để tham khảo, lại không thể kế thừa hệ thống tư pháp cũ... nhưng bằng trí tuệ tập thể (trong đó có vai trò quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh), Chính phủ Việt Nam đã căn cứ vào tình hình cụ thể của đất nước để thiết lập ra nhiều hình thức tòa án khác nhau. Bên cạnh các tòa án thường (còn gọi là các tòa án nhân dân), Chính phủ còn thiết lập các Tòa án quân sự để trấn áp bọn phản cách mạng; đặt Tòa án Bình để xét xử những vi phạm pháp luật của các quân nhân và cán bộ trong quân đội; lập Tòa án đặc biệt để xét xử bọn địa chủ cường hào gian ác trong quá trình thi hành chính sách ruộng đất. Mỗi tòa án đảm trách một nhiệm vụ riêng nhưng lại có sự phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau tạo nên một sức mạnh chung. Các biện pháp chỉ đạo của Chính phủ với hoạt động của các cơ quan tư pháp cũng rất linh hoạt và mềm dẻo.

Nghiên cứu những vai trò của Chính phủ trong việc tổ chức và điều hành các hoạt động trong lĩnh vực tư pháp (giai đoạn 1945-1954), chúng ta cũng thấy được những khó khăn, phức tạp mà Chính phủ đã phải vượt qua. Qua Biên bản ghi chép các phiên họp của Chính phủ bàn về vấn đề tư pháp cho

thấy nhiều vấn đề Chính phủ nhận thấy là hợp lý và cần thiết nhưng do điều kiện khó khăn vẫn chưa thể giải quyết được ngay như: nguyên tắc tư pháp phải độc lập với hành chính, cán bộ tư pháp phải được đào tạo cơ bản và có trình độ cao vì tư pháp là một lĩnh vực chuyên môn có tính đặc thù riêng. Trong suốt giai đoạn này, do điều kiện khó khăn, Chính phủ đã không thể mở được trường đào tạo cán bộ tư pháp như dự kiến. Vì vậy, đây cũng là một hạn chế trong hoạt động tư pháp không chỉ trong giai đoạn này mà hệ quả còn ảnh hưởng đến cả các giai đoạn về sau. Mặt khác, chủ trương đưa các cán bộ xuất thân từ công nông, các hội thẩm nhân dân thuộc thành phần bán, cố nông vào thành phần cơ bản của các tòa án đã góp phần thực hiện tốt chủ trương của Chính phủ về dân chủ hoá hoạt động tư pháp, nhưng do hạn chế về chuyên môn tư pháp nên trong quá trình xét xử, các thẩm phán và hội thẩm cũng đã gặp phải không ít khó khăn, hoặc đã bộc lộ những hạn chế trong khi giải quyết một số vụ việc có tính phức tạp. Điều này đã ảnh hưởng phần nào tới hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Mặc dầu vậy, những thành tựu to lớn mà hoạt động của ngành tư pháp mang lại đã chứng minh những cố gắng phi thường của Chính phủ trong lĩnh vực này. Những gì Chính phủ đã làm được và chưa làm được trong giai đoạn này về lĩnh vực tư pháp đều là những bài học kinh nghiệm quý báu cho hôm nay và mai sau.

CHÚ THÍCH

(12). Công báo số 4 năm 1945, tr. 43.

(13), (14). Trong phần này chúng tôi tham khảo những tư liệu trong Báo cáo về hoạt động của Bộ Tư pháp từ ngày thành lập chính quyền nhân dân. Tài liệu đã dẫn.

(15). Tư liệu và số liệu trong phần này được trích

từ Báo cáo của Bộ Tư pháp về thành tích công tác Tư pháp trong 9 năm kháng chiến. Tidd, tr. 8-15.

(16). Bộ Tư pháp: Báo cáo thành tích công tác tư pháp trong 9 năm kháng chiến. Hồ sơ Lưu trữ số 113- Phòng Lưu trữ Phủ Thủ tướng. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, HN, tr. 8.